

Số: 921/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 06 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH4 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Hướng dẫn số 2696/BGDĐT-KHTC ngày 27/6/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long tại Công văn số 449/PGDĐT ngày 06/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ II, năm học 2022 - 2023.

- Số lượng: 580 trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông (có danh sách chi tiết kèm theo).

- Mức hỗ trợ: Quy định tại Khoản 10, Điều 20, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ: 150.000 đồng/học sinh/tháng (hỗ trợ theo số tháng thực học).

- Tổng kinh phí hỗ trợ: **434.550.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguồn kinh phí: Chi sự nghiệp Giáo dục ngân sách thành phố năm 2023 - Kinh phí đã giao dự toán đầu năm cho các trường học tại Quyết định 4958/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND thành phố.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố hướng dẫn các đơn vị có tên học sinh tại Điều 1 công khai kết quả phê duyệt và tổ chức thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Sở GD&ĐT (B/c);
- TT: Thành ủy, HĐND thành phố (B/c);
- CT, các PCT UBND TP (C/đạo);
- V0 - V2 ;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sơn



**DANH SÁCH HỌC SINH HƯỚNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Long)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	Tổng cộng							<u>434.550.000</u>	
	MN Đại Yên								
1	Lê Hoàng Phong	3/9/2017	5 tuổi A4	Tổ 1 - Khu 2 - Phường Đại Yên	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Hà Phong								
2	Tạ Minh Bảo	7/17/2016	Lớp 5 tuổi A2	Tổ 33A, Khu 6A, P. Hà Phong	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Thống Nhất								
3	Vũ Huy Hoàng	22/05/2017	5 tuổi A3TT	Thôn Làng, xã Thống Nhất	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Lê Lợi								
4	Linh Đức Thành	11/26/2019	Lớp ghép 3,4,5T	Thôn Yên Mỹ Xã Lê Lợi TP Hà Long	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
5	Nguyễn Minh Đức	18/09/2016	Lớp ghép,4,5T	Thôn Yên Mỹ Xã Lê Lợi	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Trới								
6	Nguyễn Minh Đạt	27/11/2019	3 tuổi A4	Khu Trới 10, Phường Hoàng Bồ	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
7	Nguyễn Đức Toàn	02/08/2017	MG ghép khu 9	Khu Trới 9, Phường Hoàng Bồ	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Đồng Sơn								

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kính phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP	
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ		
8	1	Bàn Hà Phát	25/04/2019	MG ghép P.3, 4, 5 Tuổi Đồng Cầm	Thôn Khe cầu, Đồng Sơn	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MIN Sơn Dương								
9	1	Vũ Minh Quân	2/2/2017	Lớp 5 tuổi	Tổ 5, khu Trời 8 P Hoàng Bồ	Trẻ em mẫu giáo khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		MIN Quảng La								
10	1	Bàn Xuân Phước	20/3/2017	MG ghép	Thôn 6, xã Quảng La	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Hữu Nghi								
11	1	Phạm Vĩnh Khang	24/7/2014	3A3	Tổ 8m khu 1B phường Cao Thặng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Trần Quốc Toàn								
12	1	Trần Văn Đức	25/01/2014	1A10	xã Hải Trung-H. Hải Hậu-T. Nam Định	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
13	2	Trần Bảo Lâm	19/9/2013	4A11	Tổ 11, khu 3, P Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
14	3	Phạm Văn Hoàng	2/17/2015	1A3	Xã Quảng Minh, huyện Hải Hà.	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
15	4	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	2/22/2015	Lớp 2A10	Tổ 5, Khu 3, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
16	5	Phạm Gia Bảo	11/17/2014	Lớp 3A6	Tổ 5, Khu 2, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
17	6	Phùng Minh Dũng	10/31/2012	Lớp 3A9	Tổ 1, Khu 6, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
18	7	Nguyễn Khang Duy	2/6/2012	Lớp 3A10	Tổ 3, Khu 3, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
19	8	Phùng Minh Hùng	10/31/2012	Lớp 4A4	Tổ 11, Khu 6, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
20	9	Nguyễn Khánh Hoàng	9/13/2012	Lớp 4A5	Tổ 6, Khu 6, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
21	Trần Minh Nghĩa	5/22/2012	Lớp 4A6	Tổ 4, Khu 9, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
22	Lã Trung Kiên	5/25/2011	Lớp 5A6	Tổ 7, Khu 6, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
23	Phạm Dương Anh	10/31/2013	Lớp 4A10	Tổ 8, Khu 6, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
24	Phạm Đức Nguyễn	2/29/2012	Lớp 5A11	Tổ 10, Khu 6, P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
25	Vũ Hải Thành	4/5/2012	Lớp 5A9	Tổ 4, Khu 10, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
26	Nguyễn Văn Thành Đạt	7/15/2010	Lớp 5A7	Tổ 8, khu 2, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
27	Nguyễn Việt Anh	8/19/2014	3A11	Tổ 13, khu 5, P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
28	Cao Hoàng Hải Kiên	2/14/2015	1A2	Tổ 3, khu 5, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
29	Nguyễn Tú Minh	11/20/2011	5A11	xã Hải Trung-H. Hải Hậu-T. Nam Định	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
30	Vũ Tùng Chi	20/6/2011	5A5	Tổ 3, khu 9, P. Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	TH Cao Xanh								
31	Đàm Tuệ Quang	16/9/2015	2A2	Tổ 48B Khu 4A Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
32	Đinh Minh Nhật	14/11/2015	2A5	Tổ 31B khu 3 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
33	Nguyễn Thị Khánh Vân	23/1/2013	2A6	Tổ 7 Khu 1 Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
34	Vì Đức Trung	3/11/2014	3A1	Tổ 20A Khu 2A Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
35	Hoàng Ngọc Mạnh	7/10/2013	4A1	Tổ 37A Khu 3 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
36	Nguyễn Thiên Ân	13/11/2013	4A2	Tổ 18 Khu 2 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
37	Phạm Đức Duy	14/1/2013	4A5	Tổ 1 Khu 7 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
38	Lưu Anh Khôi	05/01/2013	4A6	Tổ 52C Khu 4B Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
39	Nguyễn Nam Phong	07/9/2012	5A1	Tổ 01 Khu 1 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
40	Nguyễn Phùng Tâm Phúc	10/12/2012	5A2	Tổ 16 Khu 2A Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
41	Hoàng Văn Thanh	15/10/2012	5A3	Tổ 35 Khu 3 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
42	Bùi Minh Khang	12/10/2012	5A4	Tổ 61 Khu 5 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
43	Phạm Hồng Sơn	20/8/2012	5A4	Tổ 7 Khu Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
44	Nguyễn Đức Thành	03/09/2012	5A5	Tổ 10 Khu 7 Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
45	Đinh Minh Quân	24/12/2012	5A5	Tổ 46 Khu 4A Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
46	Nguyễn Đức Đạt	03/9/2012	5A7	Tổ 10 Khu 7 phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
47	Hà Công Mạnh	11/20/2015	2A2	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
48	Phạm Quỳnh Anh	8/10/2014	2A6	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
49	Tô Quang Hiếu	1/21/2012	3A4	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
50	Chu Hải Anh	9/12/2013	4A2	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
51	Lương Tiến Mạnh	7/23/2012	4A3	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
52	Nguyễn Bảo Lâm	5/27/2012	5A6	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
53	Nguyễn Quang Huy	1/19/2014	3A2	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
54	Phạm Anh Khoa	12/08/12015	2A6	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
55	Lê Mạnh Hưng	5/23/2016	1A6	Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
56	Nguyễn Tuấn Vũ	13/09/2012	5A7	Tổ 52 Khu 4B Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	TH Lý Thường Kiệt								
57	Dương Quý Long	22/08/2012	5A8	Tổ 4 - khu 6 - Giếng Dáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
58	Lưu Vũ Hải Ninh	1/14/2015	1A10	Tổ 4 - khu 1 - Giếng Dáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
59	Dương Hoàng Anh	12/14/2012	5A4	Tổ 8 - Khu 5 Phường Giếng Dáy - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
60	Bùi Nhật Minh	8/17/2015	4A15	Minh Tri - Sóc Sơn - Hà Nội	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
61	Phạm Hải Nam	6/3/2012	4A11	Yên Bình - Ý Yên - Nam Định	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
62	Nguyễn Thiên Phúc	7/1/2015	2A2	Xuân Đài - Xuân Trường - Nam Định	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
63	Nguyễn Bảo Ngọc	8/23/2015	1A12	Tổ 9, K7, Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
64	Phạm Nhật Minh	8/17/2015	1A11	Tổ 1 - khu 7 - Phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
65	Vũ Tiến Đạt	9/13/2012	3A6	Tổ 10 - khu 4 - Phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
66	Hoàng Khánh Hà	10/16/2012	4A3	Tổ 4 - khu 3B - Phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
67	Đặng Quang Dũng	10/17/2014	2A9	Tổ 10 - khu 2 - Phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
68	Lê Minh Quang	6/10/2011	Lớp 3A11	Tổ 8 - khu 1 - Phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
69	Dương Văn Tùng	10/21/2010	Lớp 3A4	Khu 5 phường Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
70	Nguyễn Hữu Đông	10/23/2011	Lớp 5A12	Tổ 9 - Khu 2 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
71	Vương Thừa Vũ	12/29/2014	Lớp 5A10	Tổ 10 khu 6 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
72	Dặng Khải Phong	12/12/2011	Lớp 4A11	Tổ 6 - khu 1 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
73	Vương Thị Vân Thư	5/29/2012	Lớp 5A11	Tổ 10 khu 6 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
74	Nguyễn Han Na	9/24/2012	Lớp 4A6	Tổ 11 - khu 3 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
75	Trần Việt Anh	12/22/2012	Lớp 4A10	Tổ 7 - khu 7 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
76	Dặng Huy Hoàng	11/15/2009	Lớp 4A10	Tổ 6 - khu 6 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
77	Mạc Trường Giang	8/25/2012	Lớp 5A12	Tổ 3 - khu 1 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
78	Nguyễn Đức Trung	3/6/2013	Lớp 2A5	Tổ 2 - khu 6 - Phường Giếng Dày - TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
79	Đương Tùng Lâm	7/10/2011	Lớp 5A1	Tổ 8 - khu 5 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
80	Nguyễn Mạnh Nguyễn	12/29/2012	Lớp 5A13	Tổ 3 - Khu 7 - Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
81	Phạm Nguyễn Trà My	10/18/2012	Lớp 5A10	Tổ 6 - khu 1 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
82	Trần Thanh Tùng	8/21/2014	Lớp 2A2	Tổ 9 - khu 5 - Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
83	Lê Tuấn Thành	8/2/2013	Lớp 2A2	Tổ 10 khu 4 Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
84	Lê Mỹ Tâm	4/28/2015	Lớp 2A5	Tổ 10 khu 4 Phường Giếng Dày	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
85	Đinh Lan Phương	28/09/2015	1A9	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 2, Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH Cao Thắng								

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
86	Đỗ Bảo Long	7/21/2015	2A7	Tổ 38, K4, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
87	Đinh Minh Hiết	12/15/2014	2A8	Tổ 19A, K3, P. Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
88	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	7/5/2015	1A1	Tổ 76, Khu 9, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	3	150.000	450.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
89	Nguyễn Nam Phong	12/30/2015	1A1	Tổ 8, Khu 5, Yết Kiêu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
90	Nguyễn Quang Anh	7/2/2014	3A6	Tổ 25B, Khu 3, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
91	Đồng Tiến Đạt	4/1/2012	4A1	Tổ 52 khu 4, P. Bạch Đằng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
92	Nguyễn Khánh Ngọc	12/10/2013	4A1	Tổ 19, K2B, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
93	Nguyễn Thế Phong	8/16/2013	4A2	Tổ 16 khu 2A, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
94	Đỗ Khánh Uyên	11/24/2013	4A4	Tổ 56 khu 6, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
95	Lý Trần Nhân	11/20/2012	4A4	Tổ 73 khu 8, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
96	Trần Gia Bảo	10/2/2013	4A4	Tổ 43 khu 4, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
97	Nguyễn Duy Long	6/5/2008	5A2	Tổ 8 khu 5, P. Yết Kiêu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
98	Bùi Sỹ Chiến	4/16/2010	5A3	Tổ 60 khu 7, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
99	Văn Đức Hải Sơn	7/12/2012	5A6	Đồng Tiến, Tiên Yên, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
100	Đinh Đức Minh	9/1/2009	5A8	Tổ 68 khu 8, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
101	Vũ Tuấn Bảo	16/09/2013	4A1	Tổ 45-Khu 5, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
102	Phạm Bảo An	3/14/2012	5A8	Tổ 66 khu 8, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
103	18	Hoàng Nhật Linh	11/14/2013	3A2 Tổ 18, Khu 2A, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Hà Khẩu							
104	1	Nguyễn Nhật Long	6/27/2013	3A5 Thác An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
105	2	Đinh Thị Ngọc Hạnh	10/6/2011	4A7 Thôn Làng, xã Thống Nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
106	3	Nguyễn Bảo Tuấn Dũng	4/1/2014	3A5 Tổ 57, Khu 6, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
107	4	Trần Ngọc Mai	6/11/2014	2A2 Tổ 39, Khu 4, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
108	5	Bùi Duy Anh	10/14/2013	3A2 Tổ 61, Khu 6, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
109	6	Dương Quang Thịnh	9/27/2012	3A4 Tổ 79, Khu 7, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
110	7	Phạm Đức Hải	6/30/2012	3A4 Tổ 19, Khu 2, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
111	8	Phạm Duy Anh	8/26/2012	5A1 Tổ 52, Khu 5, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
112	9	Vũ Đình Khánh	11/6/2011	5A10 Tổ 5, Khu 1, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
113	10	Tạ Thị Huyền Trang	6/30/2011	5A6 Tổ 51, Khu 5, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
114	11	Tạ Minh Đức	9/9/2011	4A6 Tổ 71, Khu 7, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
115	12	Vũ Đình Tiến	5/7/2015	2A4 Tổ 28, Khu 3, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
116	13	Nguyễn Tùng Bách	8/16/2012	4A2 Tổ 19, Khu 2, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
117	14	Nhữ Thủy Dương	7/6/2012	4A8 Tổ 10, Khu 1, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
118	15	Hoàng Minh Chính	5/29/2012	4A8 Tổ 4, Khu 1, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
119	Nguyễn Minh Vũ	12/26/2012	4A7	Tổ 39, Khu 4, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
120	Ngô Trí Công	11/26/2014	2A5	Tổ 28, Khu 8, Vường Danh, Uông Bí	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
121	Bùi Thiên Minh	1/31/2015	1A1	Tổ 4, Khu 1, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
122	Nguyễn Hồng Minh	5/26/2016	1A3	Tổ 16, Khu 2, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
123	Nông Quốc Đại	30/3/2014	3A1	Tổ 57, Khu 6, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH Nguyễn Bá Ngọc								
124	Dương Gia Báo	9/6/2015	1A1	Tổ 34 - Khu 4 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
125	Hoàng Anh Quân	9/29/2016	1A4	Tổ 44 - Khu 4 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
126	Tương Văn Hùng	21/07/2011	4A3	Tổ 31 - Khu 3 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
127	Đoàn Hoàng Anh	11/03/2011	4A3	Tổ 13 - Khu 2 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
128	Phạm Nguyễn Hà Linh	6/29/2015	2A2	Tổ 34 - Khu 4 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
129	Nguyễn Tiến Minh	4/22/2014	2A4	Tổ 7 - Khu 6 - Giếng Dáy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
130	Nguyễn Hải Ninh	07/09/2011	4A1	Tổ 32 - Khu 3 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH Trần Hưng Đạo								
131	Hoàng Tùng Lâm	02/7/2016	1A2	Khu 1, P. Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
132	Nguyễn Bảo Nam	16/9/2015	2A6	Khu 3, phường Trần hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
133	Phạm Duy Thắng	29/7/2013	4A2	Khu 3, phường Trần hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
					Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
134	4	Nguyễn Đức Anh	25/7/2012	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
135	5	Trần Thế Hưng	11/01/2010	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
136	6	Đoàn Quốc Trường	23/9/2013	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
137	7	Đỗ Đức Thịnh	10/12/2011	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Hạ Long						
138	1	Vũ Đức Quyền Linh	6/24/2014	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
139	2	Phạm Trần Hoàng Anh	9/6/2014	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
140	3	Nguyễn Bảo Anh	15/8/2013	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
141	4	Phạm Minh Tùng	30/1/2010	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
142	5	Hoàng Vũ Bảo Hân	10/2/2014	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
143	6	Phạm Tuấn Phong	8/19/2013	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
144	7	Nguyễn Hoàng Anh	25/6/2010	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
145	8	Đoàn Ngọc Hà	25/9/2011	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
146	9	Lê Thanh Trúc	20/11/2012	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
147	10	Đỗ Huyền My	8/10/2011	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Minh Hà						
148	1	Trần Nam Phong	08/12/2014	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
149	2 Nguyễn Huy Hoàng	30/07/2015	1B	Tổ 6 - Khu 3 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
150	3 Trương Tuấn Dũng	19/08/2015	1C	Tổ 2 - Khu 3 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
151	4 Nguyễn Anh Dũng	28/09/2015	1E	Tổ 3 - Khu 2 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
152	5 Lê Gia Vinh	24/11/2015	2E	Tổ 4 - Khu 2 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
153	6 Đỗ Minh Nhật	9/4/2013	3A	Tổ 1 - Khu 4 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
154	7 Hoàng Hải Đăng	9/11/2013	4B	Tổ 1 - Khu 1 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
155	8 Nguyễn Tài Quân	9/23/2012	5D	Tổ 2 - Khu 7 - P. Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	TH Đại Yên								
156	1 Vũ Đức Phương	08/12/2013	2A3	Tổ 1 - Quỳnh Trung - Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
157	2 Nguyễn Trà My	28/10/2014	2A2	Tổ 2 - Khu Minh Khai - Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
158	3 Nguyễn Trung Cường	24/6/2015	2A2	Tổ 2 - Khu Minh Khai - Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
159	4 Nguyễn Thành Vinh	4/6/2016	1A3	Tổ 1 - Khu Minh Khai - Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
160	5 Lê Thị Trúc Linh	10/29/2016	1A2	Tổ 3 - Khu Minh Khai-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
161	6 Lê Bảo Ngọc	7/2/2015	2A1	Tổ 3 - Khu 1-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
162	7 Vũ Thủy Linh	1/13/2012	4A1	Tổ 3 - Khu Minh Khai-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
163	8 Nguyễn Lê Nhật Minh	11/11/2012	4A3	Tổ 2 - Đại Dán-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
164	9 Vũ Minh Thư	11/23/2011	4A4	Tổ 1 - Quỳnh Trung-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
165	10	Vũ Thị Minh Thu	10/22/2010	4A5 Tổ 3 - Khu Minh Khai-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
166	11	Đỗ Việt Tiến	12/5/2011	5A4 Tổ 2 - Yên Cư-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
167	12	Phạm Ngọc Ánh	4/24/2012	5A5 Tổ 3 - Yên Cư-Dại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
168	13	Nguyễn Bảo Nam	21/10/2016	1A4 Tổ 2 - Khu Yên Cư - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH Võ Thị Sáu							
169	1	Vũ Bảo Khánh	25/9/2016	1A T13, K2A, Phường Cao Xanh TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
170	2	Dương Nam Anh	12/9/2016	1B T1, K6, Phường Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
171	3	Hoàng Hải Long	11/3/2014	2C T48, K5, P.Cao Thắng TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
172	4	Cao Phúc Khang	9/6/2016	1B Tổ 2 khu 5 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
173	5	Đào Ngân Khánh	24/09/2014	2B Tổ 1 khu 5 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
174	6	Vũ Công Hưng	28/02/2014	3B Tổ 7 khu 4 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
175	7	Vũ Sinh Thiện	12/4/2013	3B Tổ 4 khu 3 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
176	8	Nguyễn Phương Anh	21/04/2011	5B Tổ 7 khu 4 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
177	9	Nguyễn Việt Tiến	1/6/2008	5E khu 2 Đồng Triều, TX Đồng Triều	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
178	10	Nguyễn Lương Anh Hưng	28/04/2010	5C Tổ 1 khu 4 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
179	11	Lê Quang Minh	27/10/2011	5C Tổ 7 khu 4 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
180	12	Nguyễn Phúc Nguyễn	10/07/2012	4A T2, K4, P. Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	TH Việt Hưng								
181	Vũ Mai Hương	05/01/2015	2A4	Đạo Lý, Lý Nhân, Hà Nam	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
182	Dương Quang Minh	04/8/2012	5A5	Tổ 4, khu 6, P. Việt Hưng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
183	Cao Hà Anh	3/26/2016	1A1	Tổ 2, khu 6, P. Việt Hưng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
184	Phạm Hải Yến	12/12/2015	1A2	Tổ 1, khu 1, P. Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
185	Phạm Trung Kiên	2/3/2015	1A3	Tổ 2, khu 1, P. Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
186	Phạm Như Quỳnh	4/13/2016	1A4	Tổ 2, khu 6, P. Việt Hưng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
187	Hoàng Minh Quân	4/10/2014	3A4	Tổ 2, khu 13, P. Việt Hưng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
188	Vũ Minh Đăng	20/9/2012	5A6	Tổ 6, khu 4, P. Việt Hưng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH Bãi cháy								
189	Vũ Thanh Hiền	28/08/2013	4A2	Khu 4, phường Đông Triều, TX Đông Triều, QN	Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
190	Trần Trung Dũng	05/12/2013	3a4	Khu 4, phường Bãi cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
191	Vũ Tiến Đức	06/07/2012	5a2	Khu 7, phường Bãi cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
192	Nguyễn Đức Hoàng	30/07/2015	2a5	Khu 8 phường Bãi cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
193	Nguyễn Minh Đức	5/23/2014	2A6	Tổ 7, khu 8, P. Bãi cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
194	Vũ Trung Nam	1/4/2013	4A10	Tổ 5, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
195	Nguyễn Đức Anh	10/16/2011	2A5	Khu 7, P. Nam Hòa, TX Quảng Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học/lop	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
196	Phạm Hải Long	1/6/2014	1A05	Tổ 5, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
197	Cao Hoàng Bảo Nam	9/4/2015	2A5	Hà/Tổ 5, Khu 7, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
198	Nguyễn Thành Đạt	11/28/2011	4A4	Tổ 1, khu 8, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
199	Lê Đức Trọng	8/31/2015	1A9	Tổ 2, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
200	Nguyễn Lê Hải Nam	03/04/2015	2A1	Tổ 6, khu 6, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH Quang Trung								
201	Nguyễn Bảo Ngọc	28/10/2015	2A4	Tổ 1 - Khu 2 - Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
202	Nguyễn Quốc Bảo	10/08/2013	4A4	Tổ 2 - Khu 7A - Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
203	Nguyễn Ngọc Nhật Nam	20/05/2013	4A7	Thôn Trần Hưng - Đồng Hưng - Thanh Hoá	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
204	Nguyễn Diệu Linh	17/08/2011	5A3	Tổ 8 - Khu 2 - Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
205	Hà Ngọc Quỳnh	11/20/2014	3A4	Tổ 1B - Khu 9 - Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
206	Vũ Hoàng Minh	11/20/2015	1A4	Tổ 2, Khu 10, Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
207	Nguyễn Minh Khang	12/23/2013	3A6	Tổ 1B, khu 1, Phường Hồng Hà, Hà Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
208	Hoàng Xuân Phúc	3/21/2014	3A7	Tổ 2, Khu 8, Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
209	Phạm Vũ Hải Ninh	11/21/2012	4A6	Tổ 3, khu 7B, Phường Hồng Hà, Hà Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
210	Lê Hà Thu	11/1/2012	5A7	Tổ 9, Khu 3, Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
211	Phạm Bảo An An	7/28/2012	5A4	Tổ 3, Khu 7B, Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày đăng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
212	Trần Quang Cường	10/7/2012	5A6	Tổ 9 - Khu 6 - Phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
	TH Lê Hồng Phong								
213	Nguyễn Đức Bình	13/10/2013	4A6	Tổ 2 khu 6C, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
214	Hoàng Việt Anh	12/2/2012	4A5	Tổ 1 khu 4D, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
215	Vũ Chấn Hưng	15/8/2015	2A4	Tổ 6 khu 1B, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
216	Hoàng Tuấn Vũ	27/4/2014	3A6	Tổ 3 khu 6B, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
217	Đinh Nhật Đại	28/6/2012	4A1	Hải Hà, Quảng Ninh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
218	Bùi Nguyễn Hà Phương	28/11/2011	5A4	Tổ 2 khu 5, P Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
219	Trần Tiến Đạt	21/09/2011	3A1	Tổ 1 khu 5, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
220	Nguyễn Long Hoàng	29/8/2015	2A7	Tổ 5 khu 1B, P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
221	Nguyễn Hà Nguyệt Linh	11/8/2012	4A4	Tổ 2 khu 6C, P Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
	TH Trới								
222	Dương Đại Hải	13/10/2016	1A2	Khu Trới 2, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
223	Đào Văn Hoàng	23/4/2015	2A6	Khu Trới 1, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
224	Trần Văn Anh	17/02/2014	3A5	Khu Trới 7, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
225	Lê Dương Quang Anh	30/09/2014	3A2	Thôn An Biền 1, Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021
226	Vũ Gia Hán	16/10/2013	4A2	Khu Trới 4, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND- CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP	
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ		
227	6	Lê Thế Đạt	20/07/2013	4A3	Khu Trới 4, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
228	7	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	03/11/2013	4A4	Khu Trới 3, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
229	8	Phạm Bình An	24/09/2013	4A5	Khu Trới 4, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
230	9	Phạm Thị Huyền Trâm	02/01/2013	4A6	Khu Trới 5, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
231	10	Vũ Nghĩa Tríết	08/01/2013	4A8	Khu Trới 1, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
232	11	Hoàng Bảo Linh	25/10/2012	5A1	Thôn An Biện 1, Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
233	12	Ngô Mạnh Vương	28/12/2012	5A7	Khu Trới 5, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
234	13	Nguyễn Trung Hải	6/12/2012	5A6	Lê Lợi, Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	2	150.000	300.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
235	14	Nguyễn Chi Bền	2/14/2012	5A2	Khu Trới 1, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	3	150.000	450.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
236	15	Bùi Quang Hưng	21/02/2015	1A5	Khu Trới ..., P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
237	16	Đào Bảo Ngân	02/12/2014	2A8	Khu Trới 7, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
238	17	Lê Ngọc Yến	26/12/2014	3A5	Khu Trới 5, P. Hoành Bồ,	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
239	18	Nguyễn Tường Vy	19/09/2014	3A7	Khu Trới 5, P. Hoành Bồ,	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
240	19	Nguyễn Quỳnh Anh	11/06/2014	3A8	Khu Trới 9, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
241	20	Nguyễn Thị Bích Như	08/11/2013	4A7	Khu Trới 9, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
242	21	Vũ Ngọc Tuấn	07/05/2011	5A9	Khu Trới 8, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
243	22	Nguyễn Đình Hoàng	17/01/2012	5A8	Khu Trới 2, P. Hoành Bồ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
					Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	TH Lê Lợi							
244	Sùng Thế Anh	1A1	Thôn An Biên 1 - Lê Lợi	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
245	Sùng Đức Tinh	3A1	Thôn An Biên 1 - Lê Lợi	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
246	Bùi Hoàng Dương	1A1	Thôn Bằng Xâm - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
247	Nguyễn Lý Nhật Minh	4A3	Thôn Tân Tiến - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
248	Đàm Quang Hiếu	4A2	Thôn An Biên 1 - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
249	Nguyễn Văn Quyền	4A1	Thôn Tân Tiến - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
250	Ngô Minh Tùng	5A3	Thôn Bằng Xâm - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
251	Vũ Đức Huy	5A2	Thôn An Biên 2 - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
252	Nguyễn Ngọc Hạnh	4A3	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
253	Phan Anh Duy	5A2	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
254	Ngô Thụy Nhiên	3A1	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
255	Nguyễn Quang Quyền	3A3	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
256	Vũ Văn Thành	5A4	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
257	Nguyễn Tuấn Tài	3A2	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
258	Bùi Văn Hòa	3A3	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
259	Phạm Ngọc Anh	3A2	Xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đổi tương	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
260	17	Phạm Đông Y	8/8/2011	5A1 Thôn Ấp Bên 2 - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
		TH Quảng La							
261	1	Nguyễn Văn Vinh	12/21/2016	1A1 Thôn 1 Quảng La	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
262	2	Đào Bảo Nam	8/26/2011	5A1 Thôn 1 Xã Quảng La	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
263	3	Nguyễn Bích Ngọc	2/9/2015	2A1 Thôn 1 Xã Quảng La	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
264	4	Lý Như Bình	18/1/2014	2A2 Thôn 4, xã Quảng La	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
265	5	Linh Tài Nguyễn	1/11/2014	3A1 Thôn Đất Đỏ Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
266	6	Triệu Thị Kiều Chinh	9/3/2012	5A2 Thôn 6 xã Quảng La	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
		TH Hà Lâm							
267	1	Đặng Mạnh Quân	19/08/2014	3A1 Tổ 1 - Khu 1 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
268	2	Vũ Hữu Hoàng Linh	02/12/2011	4A1 Tổ 15 - Khu 2 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
269	3	Ngô Thế Hiền	23/01/2012	4A3 Tổ 8A-Khu 5 - Yết Kiêu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
270	4	Hoàng Anh Tuấn	04/12/2012	4A5 Tổ 8 - Khu 3 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
271	5	Trần Nam Sơn	07/11/2011	5A3 Tổ 9 - Khu 2 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
272	6	Đỗ Hà Gia Khánh	11/09/2011	5A4 Tổ 12 - Khu 4 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
273	7	Vũ Thủy Tiên	12/04/2011	5A4 Tổ 7 - Khu 1B- Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
274	8	Bùi Anh Nghĩa	15/04/2011	4A1 Tổ 7 - Khu 4 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
275	Trần Thanh Ngân	16/8/2014	1A2	Tổ 1 - Khu 1 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
276	Hoàng Trung Thành	3/10/2014	2A3	Tổ 2 - Khu 6 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
277	Ngô Duy Hưng	27/7/2014	3A8	Tổ 12 - Khu 2 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
278	Nguyễn Công Thắng	21/6/2010	4A4	Tổ 12 - Khu 2 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
279	Nguyễn Huy Khánh	9/10/2012	4A2	Tổ 8 - Khu 1 - Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
280	Nguyễn Tiến Hoàng	31/12/2012	4A6	Tổ 1 - Khu 2 - Hà Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
	TH Sơn Dương								
281	Tây Văn Trọng	12/23/2011	5A	Thôn Mỏ Đồng, xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
282	Tây Xuân Lộc	12/10/2012	5A1	Thôn Đồng Dạng, xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
283	Phạm Khánh My	4/17/2016	1A1	Thôn vườn Rậm, xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
	THCS Cao Xanh								
284	Lý Anh Trường	9/4/2009	8D	Khu 5, Phường Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
285	Nguyễn Phương Thủy	12/4/2010	7A3	Khu 5, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
286	Phạm Tiến Hải	10/1/2009	8C	Khu 2B, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
287	Dương Quang Huy	8/26/2007	9D	Khu 7, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
288	Lê Xuân Dũng	11/21/2010	7A4	Khu 2B, Phường Cao xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
289	Đỗ Xuân Long	4/3/2011	6A3	Khu 7, Phường Cao xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	2	150.000	300.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Điểm tương	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
290	7	Nguyễn Phương Thanh	01/04/2009	7A3 Khu 5, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
291	8	Nguyễn Phương Duy	30/06/2010	7A1 Tổ 5, Khu 7, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
292	9	Nguyễn Đức Phong	08/10/2008	8B Tổ 5, Khu 1B, Phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
293	10	Chu Thị Phương Anh	19/05/2007	9D Tổ 8, Khu 7, Phường Cao xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
294	11	Nguyễn Hữu Phúc	12/05/2009	8C Tổ 60B, Khu 5, Phường Cao xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
295	12	Trần Gia Hưng	14/08/2009	6A3 Tổ 1, Khu 1, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
296	13	Hoàng Ngọc Hòa	07/11/2011	6A4 Tổ 65, Khu 5, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
297	14	Phạm Mỹ Hằng	01/12/2009	6A5 Tổ 45A, Khu 4A, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
298	15	Đỗ Lê Duy Nam	11/23/2010	7A2 Khu 7, Phường Cao xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
		THCS Đại Yên							
299	1	Lê Minh Anh	23/10/2008	8A3 Tổ 2 - Khu Minh Khai - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
300	2	Phạm Gia Bảo	10/29/2010	7A1 Khu Minh Khai - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
301	3	Lê Thế Anh	28/9/2008	7A1 Tổ 3 - K. Minh khai - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
302	4	Nguyễn Thị Huyền	07/01/2009	7A1 Tổ 1 - Khu Cầu Tráng - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
303	5	Lê Hữu Bình	11/02/2007	8A3 Tổ 2 - Khu Cầu Tráng - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
304	6	Lê Văn Trọng	06/11/2006	9A1 Tổ 1 - Khu 6 - P. Đại Yên	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
		THCS Trần Quốc Toản							

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đội tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
305	1	Đỗ Mai Hoàng Dương	7A4	Tổ 6 khu 2 Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
306	2	Lưu Diệu Minh	7A5	Tổ 5 khu 8 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
307	3	Đào Quang Nghi	7A9	Phường Hà Tu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
308	4	Đào Công Đạt	8A7	Tổ 9 Khu 8 Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
309	5	Lê Nhật Minh	8A7	Tổ 4 khu 3 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
310	6	Mai Phương Quỳnh	8A8	Tổ 4 khu 9 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
311	7	Đặng Quang Trung	9A7	Tổ 7 khu 1 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
312	8	Hoàng Châu Giang	6A2	Tổ 1 khu 6 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
313	9	Dư Gia Bảo	8A6	Trung cư Phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
314	10	Lê Phương Hà	8A9	Tổ 8 Khu 6 Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
315	11	Hoàng Thế Dương	9A1	Tổ 9 Khu 6 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
316	12	Phạm Quang Minh	9A2	Tổ 5 Khu 3 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
317	13	Bùi Đức Minh	9A4	Tổ 6 Khu 7 Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
318	14	Nguyễn Thị Kim Ngân	6A4	Tổ 11 khu 1 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
319	15	Trần Phúc Nguyễn	6A11	Tổ 10 khu 9 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
320	16	Phạm Đình Đàm	6A11	Tổ 5 khu 2 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
321	17	Nguyễn Nhân Hoà	9A7	Tổ 3 Khu 7 Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	THCS Hồng Hải								
322	1 Nguyễn Vũ Kim	8/16/2009	6B	Tổ 2 khu 9 phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
323	2 Nguyễn Minh Châu	3/18/2010	6H	Tổ 3 khu 6 P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
324	3 Nguyễn Hữu Chung	9/14/2010	7A	Tổ 6 khu 5 P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
325	4 Lê Hà Trang	4/29/2008	8C	Tổ 4B khu 1A- P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
326	5 Nguyễn Minh Ngọc	6/26/2008	8D	Tổ 4A khu 5 - P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
327	6 Lê Tiến Đạt	6/23/2007	9E	Tổ 29A khu 8 - P. Quang Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
328	7 Lê Sỹ Hoàng	9/25/2007	9A	Tổ 4A khu 7A P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
329	8 Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	4/17/2010	7C	Tổ 2 khu 4D P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
330	9 Phạm Tiến Dũng	4/6/2010	7C	Tổ 2 khu 4D P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
331	10 Nguyễn Duy Hưng	9/16/2009	8B	Tổ 1B khu 9 P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
332	11 Nguyễn Hoàng Dũng	3/1/2005	6B	Tổ 11 khu 3 phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
333	12 Đinh Phúc Thành	8/20/2008	7D	Tổ 7 khu 5 phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
334	13 Vũ Tắt Hưng	8/20/2008	8B	Tổ 3A khu 7A phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
335	14 Nguyễn Thị Thủy Trang	9/20/2007	9D	Tổ 8 khu 3 phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
336	15 Nguyễn Thu Hiền	11/12/2008	9C	Tổ 4A khu 1 A phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP
337	16 Hoàng Tiến Đạt	7/30/2011	6H	Tổ 2 khu 5 phường Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/ND-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
338	17	Vũ Bảo Ngọc	6H	Tổ 1 khu 10 P. Hồng Hải	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
		THCS Hà Trung							
339	1	Thường Xuân Hiếu	7B	Tổ 45 - Khu 4 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
340	2	Lương Anh Tú	6D	Tổ 51 - Khu 5 - Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		THCS Bãi Cháy							
341	1	Nguyễn Đức Long	7A8	Tổ 1, khu 5b, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
342	2	Bùi Vũ Thái Trần	8A5	Tổ 5, khu 6, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
343	3	Đào Thị Quỳnh Vy	8A9	Tổ 8 - Khu 7 - P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
344	4	Trịnh Khánh Vũ	9a5	Tổ 8 B - Khu 7 - P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
345	5	Nguyễn Sỹ Việt	9A7	Tổ 8 B - Khu 7 - P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
346	6	Bùi Minh Ngọc	7A4	Tổ 7 - Khu 8 - Phường Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
347	7	Hoàng Việt Cường	6A6	Tổ 7, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
348	8	Nguyễn Đức Duy	7A5	Tổ 2, khu 6, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
349	9	Đặng Tuấn Đạt	7A9	Tổ 5, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
350	10	Phạm Tiến Long	8A2	Tổ 85 khu 8, P. Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
351	11	Lê Hải Yến	8A7	Tổ 1, khu 10, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
352	12	Mai Thế Long	9A8	Tổ 7 - Khu 7 - P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
					Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	THCS Nguyễn Văn Thuộc							
353	Trần Hoàng Nam	12/31/2010	7A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
354	Đào Thanh Thùy	8/18/2009	8A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
355	Vũ Mạnh Hiếu	2/27/2011	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
356	Phạm Hà Vy	8/6/2009	7A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
357	Đoàn Huyền My	4/24/2010	7A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
358	Tổng Trung Hiếu	5/24/2010	7A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
359	Phùng Ngọc Long	5/10/2007	8A1	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
360	Nguyễn Trí Huy	12/17/2008	9A1	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
361	Nguyễn Phương Anh	1/30/2008	9A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
362	Đỗ Anh Tuấn	6/7/2007	9A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2023
363	Trần Anh Thư	11/19/2009	8A5	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2024
	THCS Cao Thắng							
364	Bùi Văn Trang	5/10/2011	6A1	Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ	9	150.000	1.350.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
365	Phạm Minh Đức	19/8/2011	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
366	Nguyễn Bá Gia Bảo	29/8/2011	6A5	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
367	Đặng Khánh Ngọc	12/8/2010	7A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đội tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
368	Tà Khánh Anh	19/8/2010	7A4	Tổ 53, Khu 6, Cao Thắng, Hà Long..	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
369	Nguyễn Quỳnh Anh	15/10/2008	8A1	75-Khu 9- p. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
370	Trần Quốc Khánh	02/9/2009	8A2	Tổ 64, Khu 7, P. Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
371	Phạm Quỳnh Hương	12/4/2008	8A4	Tổ 7 Khu 8 Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
372	Nguyễn Quốc Thắng	23/12/2006	8A4	Tổ 8 Khu 9 Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
373	Lê Công Thành	20/7/2008	9A1	Tổ 46, khu 5, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
374	Phan Trung Kiên	24/02/2007	9A2	Tổ 4 - Khu 1A - Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
375	Phạm Trung Hiếu	4/25/2011	6A3	Tổ 61 - Khu 7 - Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
376	Đoàn Minh Quân	4/19/2011	6A6	Tổ 20- Khu 2B- Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
377	Phạm Trí Dũng	12/7/2009	7A1	Tổ 63, khu 7, phường Cao Thắng, TP Hà Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
378	Nguyễn Mạnh Hùng	9/25/2009	7A5	Tổ 42, Khu 4, Cao Thắng, Hà Long..	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
379	Minh Đức Tài	6/15/2010	7A5	Tổ 72, Khu 8, Cao Thắng, Hà Long..	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
380	Đoàn Nhật Minh	11/8/2009	8A2	Tổ 4, khu 4, P. Yết Kiêu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
381	Trần Đức Bách	4/19/2009	8A4	Tổ 7K4 Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
382	Lê Thùy Dương	11/13/2008	8A4	Tổ 8B Khu 6 phường Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
383	Nguyễn Hoài Nguyễn	1/1/2008	9A1	Tổ 76, khu 9, phường Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
384	Nguyễn Ngọc Vinh	11/30/2007	9A4	Tổ 38, Khu 4, Cao Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Đội tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
					Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
385	Trần Trung Kiên	20/11/2008	9A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	THCS Hà Tu							
386	Nguyễn Thùy Dương	24/08/2011	6C	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
387	Tạ Quang Phúc	23/09/2009	6D	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
388	Đỗ Hải Nam	19/06/2011	6E	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
389	Phạm Huyền Trang	09/09/2009	7C	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
390	Hoàng Hải Anh	24/02/2009	8B	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
391	Đỗ Quảng Thái	15/05/2007	9B	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	THCS Nguyễn Trãi							
392	Nguyễn Đức Trung	3/9/2009	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
393	Lê Thủy Lâm	01/11/2010	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
394	Phạm Đỗ Minh Nam	7/8/2009	8A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
395	Đỗ Ngọc Mai	06/08/2008	9A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
396	Tạ Quốc Chung	17/10/2007	9A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
397	Hà Duy Phúc	10/25/2011	6A1	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	THCS Lý Tự Trọng							
398	Vũ Bảo Ngọc	21/11/2009	8A7	Học sinh phổ thông Mồ côi cả cha lẫn mẹ	5	150.000	750.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại NB
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	81/2021/NĐ-CP
399	2	Phạm Đan Nhi	14/12/2011	6A8	Tổ 10-K4- Giếng Dãy	Học sinh phổ thông Mồ côi cả cha lẫn mẹ	5	150.000	750.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
400	3	Phạm Hoàng Đức	27/08/2009	6A4	Tổ 4- K6- phường Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
401	4	Vũ Hân Dý	30/08/2011	6A7	Tổ 2, Khu 1, phường Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
402	5	Nguyễn Hoài Phương	29/11/2010	6A9	Tổ 5, Khu 1, phường Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
403	6	Nguyễn Minh Châu	25/09/2011	6A6	Tổ 4, Khu 10A, phường Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
404	7	Đỗ Hải Đăng	08/09/2011	6A8	Tổ 15, Khu 4b, phường Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
405	8	Chu Thành Đạt	24/09/2008	6A8	Tổ 14, Khu 3A, phường Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
406	9	Lưu Gia Bảo	05/01/2009	7A2	Tổ 6 - Khu 1 - Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
407	10	Đoàn Nguyễn Hải Nam	18/11/2008	8A9	Tổ 7-K1 - Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
408	11	Dương Văn Nguyễn	9/1/2009	8A9	Tổ 15- K3A- Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
409	12	Ngô Đức Duy	2/10/2008	9A8	Tổ 9-K7 - Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
410	13	Trần Duy Nghĩa	8/1/2008	9A7	Tổ 11-K3A - Giếng Dãy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		THCS Sơn Dương								
411	1	Nguyễn Hải Linh	7/11/2009	8A	Thôn Mỏ Đông, Xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
412	2	Vũ Đăng Mạnh Cường	10/3/2022	8B	Thôn Vườn Râm, Xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
413	3	Tây Thị Giang	12/31/2007	9B	Thôn Đồng Đăng, Xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		THCS Lê Văn Tám								

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
414	1	Hà Quang Thiện	10/5/2011	Tổ 6, khu 1, Phường Bạch Đằng, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
415	2	Đỗ Thị Quỳnh Hương	26/08/2010	Tổ 8, khu 1, Phường Hồng Gai, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
416	3	Đinh Tiến Duy	9/21/2009	Tổ 2, khu 3, Phường Hồng Gai, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
417	4	Nguyễn Phong Triết	8/30/2007	Tổ 15, khu 1, Phường Hồng Gai, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
418	5	Trần Hoàng Phi	30/10/2007	Tổ 34, khu 2, Phường Bạch Đằng, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
419	6	Lưu Trung Anh	10/16/2009	Tổ 8, khu 5, Phường Trần Hưng Đạo, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
420	7	Trần Uyên Chi	4/19/2009	Tổ 9, khu 4, Phường Trần Hưng Đạo, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
421	8	Đoàn Khánh Ly	3/20/2009	Tổ 2, khu 1, Phường Hồng Gai, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
422	9	Vũ Mạnh Cường	02/05/2009	Tổ 6, khu 3, Phường Trần Hưng Đạo, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
423	10	Nguyễn Công Duy	01/02/2008	Tổ 61, khu 4, Phường Bạch Đằng, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
424	11	Nguyễn Diệp Anh	06/08/2009	Tổ 21, khu 2A, Phường Bạch Đằng, Hạ Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
425	12	Nguyễn Trọng Thành Hải	16/01/2011	Tổ 2 khu 5 Trần Hưng Đạo, HL, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		THCS Lê Lợi							
426	1	Lê Quý Hải	12/17/2010	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
427	2	Phạm Đức Tài	4/7/2008	Thôn Yên Mỹ, xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
428	3	Đỗ Xuân Việt	9/23/2009	Thôn Bằng Xâm, xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
429	4	Bùi Tuấn Kiệt	8/20/2011	An biên 2 - Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT		Họ và tên 	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
							Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
430	5	Nguyễn Đức Duy	3/10/2010	7A	Thôn Tân Tiến, xã Lê Lợi	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
431	6	Hoàng Quốc Việt	9/5/2010	7B	Tổ 6 - Khu Trới 6	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		THCS Trới								
432	1	Nguyễn Bích Loan	15/5/2009	7A6	Khu Trới 6 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
433	2	Bùi Quốc Tuấn Anh	19/01/2010	7A6	Khu Trới 1 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
434	3	Vũ Hải Nam	28/02/2009	8A5	Khu Trới 1 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
435	4	Phạm Xuân Hợp	21/11/2007	9A5	Khu Trới 3 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
436	5	Hà Anh Tuấn	12/11/2011	6A5	Khu Trới 3 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
437	6	Trần Trung Thành	08/4/2006	9A4	Khu Trới 1 - P. Hoàn Bò	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		THCS Kim Đồng								
438	1	Bùi Thị Liễu	8/12/2009	8A6	Tổ 1 khu 3, phường Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
439	2	Tùng Cảnh Nguyễn	9/13/2008	9A7	Tổ 2 khu 5, phường Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
440	3	Vũ Duy Hưng	7/22/2008	9A8	Khu 4, phường Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
441	4	Nguyễn Lê Ánh Tuyết	10/3/2008	8A7	Khu 7 phường Bắc Sơn, Uông Bí	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
442	5	Đinh Đức Thắng	7/25/2008	9A7	Khu 4 phường Yết Kiêu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
443	6	Bùi Công Dũng	11/30/2009	8A6	Khu 5, phường Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
444	7	Nguyễn Văn Dũng	11/17/2009	8A3	Khu 2, phường Trần Hưng Đạo	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kính phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
445	8	Bùi Kim Anh	2/29/2008	9A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
446	9	Trần Xuân Huy	11/21/2008	9A8	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
447	10	Đinh Tuấn Khôi	9/16/2010	7A5	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
448	11	Bùi Duy Hùng	9/17/2009	7A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
449	12	Nguyễn Tuấn Việt	8/14/2011	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
450	13	Bùi Huy Duy	23/9/2010	7A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
451	14	Đặng Đình Vũ	15/2/2007	9A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
452	15	Bùi Đức Nam	23/5/2007	9A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
453	16	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	01/02/1009	8A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
454	17	Trần Tiến Thành	10/10/2005	8A6	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
455	18	Vũ Trâm Anh	23/8/2010	7A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
456	19	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	31/3/2011	6A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
457	20	Nguyễn Đức Trung	12/25/2009	8A7	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	9	150.000	1.350.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
458	1	Vũ Thị Thu Hồng	6/14/2009	8A3	Hộ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
459	2	Nguyễn Thành Nhân	1/18/2011	6A3	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
460	3	Nguyễn Minh Thảo	31/5/2011	6A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đôi tương	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
461	4	Bùi Đức Trung	7A2	Tổ 1, khu 1, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH&THCS Tuấn Châu							
462	1	Nguyễn Quốc Cường	6A1	Tổ 2, khu 1, Phường. Tuấn Châu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
463	2	Trần Anh Tuấn	2	Tổ 11, Khu 2, phường Tuấn Châu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
464	3	Lê Quang Anh	4	Tổ 22, Khu 5, phường Tuấn Châu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
465	4	Vũ Thị Hải Yến	5	Tổ 93, Khu Đồn Diên, phường Hà Khẩu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
466	5	Nguyễn Đức Bằng	8	Tổ 10, Khu 25, phường Tuấn Châu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
467	6	Nguyễn Tuấn Kiệt	1	Tổ 1, Khu 1, phường Tuấn Châu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		TH&THCS Nguyễn Viết Xuân							
468	1	Lê Anh Tuấn	Lớp 1A	Tổ 32 khu 5 Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
469	2	Phạm Ngọc Phú	2A	Tổ 18A, khu 3, Phường Hà Khánh, Hà Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
470	3	Bùi Huy Sơn	2B	Tổ 19C, khu 3, Phường Hà Khánh, Hà Long, QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
471	4	Tạ Vũ Phương Vy	6A	Tổ 48B2, khu 4A, phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
472	5	Trần Thị Bảo Ngọc	Lớp 3B	Tổ 27 khu 5 Hà Khánh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		TH&THCS Bãi Cháy 2							
473	1	Vũ Mạnh Huy	5A1	Tổ 7 - khu 2 - phường Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
474	2	Nguyễn Thế Lực	4A3	Tổ 5 - khu 2 - phường Bãi Cháy	Hồ nghèo	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
475	3	Ninh Văn Trang	2/5/2012	5A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
476	4	Lê Ngân Hà	12/6/2012	5A5	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
477	5	Bùi Thảo Vy	5/4/2012	4A4	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
478	6	Nguyễn Minh Công	2/25/2009	8A1	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
479	7	Nguyễn Duy Đức Anh	2/22/2011	6A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
480	8	Nguyễn Thành Luân	6/22/2008	9A2	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
481	9	Nguyễn Hữu Bảo An	10/5/2010	7A1	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
		TH&THCS Hùng Thắng							
482	1	Nguyễn Thiện Minh	9/29/2015	1A	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
483	2	Đào Khánh Nhật Anh	1/7/2019	1B	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
484	3	Hoàng Minh Khang	7/16/2016	1D	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
485	4	Nguyễn Quang Huy	8/20/2015	2C	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
486	5	Đỗ Tuấn Kiệt	10/10/2013	3A	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
487	6	Phạm Đăng Khôi	5/14/2013	3B	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
488	7	Nguyễn Ngọc Minh Khang	11/30/2013	3C	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
489	8	Nguyễn Vũ Cát Tường	24/9/2013	3D	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
490	9	Lê Thị Trà My	21/3/2012	4C	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đặc tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
491	Phạm Việt Phong	25/1/2011	5B	Tổ 14 khu 4B P. Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
492	Phạm Trung Hiếu	10/7/2011	6A	Tổ 5 khu 3 Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
493	Đặng Phúc Ngọc Diệp	29/3/2011	6C	Văn Đức - Già Lâm - Hà Nội	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
494	Bùi Duy Anh	28/1/2007	7B	Tổ 02 khu 1 P. Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
495	Nguyễn Thị Trà My	7/8/2010	7A	Tổ 5C khu 2 P. Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
496	Nguyễn Duy Minh Hằng	13/7/2009	7B	Tổ 45B khu 4A, P. Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
497	Nguyễn Thùy Linh	4/20/2013	3D	Tổ 9C - Khu 3 - P. Hùng Thắng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH&THCS Minh Khai								
498	Vũ Đức Duy	10/14/2016	1A4	Tổ 59, khu 6B Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
499	Lam Tùng Anh	6/2/2016	1A3	Tổ 43, khu 5, Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	6	150.000	900.000	Khoản 3 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
500	Nguyễn Trà My	2/19/2015	2A4	Tổ 48A, khu 4B, HP	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
501	Hà Quang Vinh	7/15/2025	2A3	Tổ 58A, khu 6B Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
502	Nguyễn Đức Anh	12/2/2013	3A1	Tổ 53A, khu 6A Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
503	Nguyễn Gia Huy	2/28/2011	4A3	Tổ 48A, khu 4B, Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
504	Nguyễn Thị Trà My	4/15/2014	2A1	Tổ 53A, Khu 6A, Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
505	Đỗ Hoài An	5/13/2015	2A2	Tổ 22-Khu 2B Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
506	Bùi Văn Khiêm	6/29/2013	3A1	Tổ 65-Khu 8 Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
507	Phạm Quang Minh	9/7/2013	5A2	Tổ 18-Khu2B Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
508	Vũ Gia Hưng	12/19/2013	5A4	Tổ 8A-Khu1 Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
509	Trương Nguyễn Minh Huy	4/26/2012	5A4	Tổ 25-Khu3 Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
510	Phạm Hồng Sơn	3/19/2010	6A2	Tổ 43-Khu5 Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
511	Nguyễn Nam Phong	21/03/2011	6A3	Tổ 12A-Khu2A Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
512	Trương Thùy Dương	14.12.2007	7A2	Tổ 38A-Khu4B Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
513	Trần Bảo Thanh	11/5/2010	8A4	T15A-Khu 2A phường Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
514	Phạm Tú Oanh	20.03.2007	9A2	T48A-khu 4B-phường Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
515	Nguyễn Thanh Hoàng Phương	12.07.2007	9A4	T38A-Khu 4B-phường Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
516	Lục Phạm Bảo Nam	3/16/2022	7A3	Tổ 48A, khu 4B, phường Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
517	Đỗ Tâm Như	10/3/2008	9A3	Tổ 13, khu 3, Hà Phong	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	TH&THCS Đồng Sơn								
518	Triệu Quý Đức	28/06/2011	6A	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
519	Lý Văn Tuấn Kiệt	01/10/2011	6A	Thôn Phú Liễn, xã Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
520	Bản Gia Bảo	4/12/2016	1A1	Tân Ốc 1- Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
521	Lý Sinh Tuyền	08/06/2014	3A1	Tân Ốc 1- Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
522	Lý Phúc Sáng	11/02/2015	2A1	Tân Ốc 1- Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đội tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
523	Ban Minh Khai	14/04/2013	4A1	Tân Ốc 1- Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
524	Triệu Thị Thu	20/05/2008	8A1	Thôn Tân Ốc 1, xã Đồng Sơn	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Trường TH&THCS Bằng Cả								
525	Đặng Diễm Ngọc Nhi	2/2/2012	4B	Thôn 2- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
526	Lý Thị Hương Dịu	11/10/2013	3A	Thôn 1- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông * bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
527	Nguyễn Văn Long	1/1/2011	3A	Thôn 2 - Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
528	Lý Tuấn Tú	8/13/2013	4A	Thôn 1- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
529	Bàng Đức Bình	8/22/2014	3B	Thôn 2 - Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
530	Lý Quốc Tường	7/31/2010	4B	Thôn 1 - Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
531	Lý Thị Yến Nhi	10/2/2010	5A	Thôn 1- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
532	Đặng Hữu Được	6/11/2016	1A	Thôn 2- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
533	Trương Thế Bảo	9/11/2010	2B	Thôn 1- Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
534	Hoàng Châu Anh	9/26/2008	8A	Thôn 1 - Xã Bằng Cả	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Trường TH&THCS Thống Nhất								
535	Trịnh Tuyết Nhi	14/2/2016	1A2	Thôn Đồng cao - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
536	Đỗ Việt Lâm	16/10/2012	4A3	Thôn làng - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
537	Vũ Khánh Ngọc	8/9/2012	4A1	Thôn làng - Thống nhất	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	5	150.000	750.000	Khoản 1 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học tập	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
538	4	Liêu Quang Trung	2/7/2008	Thôn Đồng cao - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
539	5	Đỗ Anh Nhất	15/10/2007	Thôn Chợ - xã Thống Nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
540	6	Nguyễn Duy Anh	8/5/2008	Thôn làng - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
541	7	Vũ Đức Duy	9/26/2011	Thôn bốn - Thống Nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
542	8	Đỗ Thanh Bình	3/25/2014	Thôn chợ - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
543	9	Phạm Bùi Anh Duy	1/2/2016	Chân đèo - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
544	10	Bùi Ngọc Yến Nhi	9/14/2013	Thôn đất đỏ - Xã Thống Nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
545	11	Từ Thị Mai Trang	11/3/2010	Thôn làng - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
546	12	Lương Thuý Lâm	2/14/2010	Thôn chợ - Thống Nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
547	13	Đặng Thị Xuân	16/06/2009	Thôn làng - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		Trường TH&THCS Tân Dân							
548	1	Triệu Thị Hòa	3/10/2014	Khe Cát, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
549	2	Triệu Thị Năm	6/4/2013	Đồng Mũng, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
550	3	Lý Sinh Hải	12/26/2010	Đồng Mũng, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
551	4	Nguyễn Minh Toàn	3/6/2011	Tân Lập, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
552	5	Lý Hữu Long	7/27/2013	Đồng Mũng, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
553	6	Triệu Quý Thắng	01/02/2014	Bằng Anh, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đặc tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
554	7	Bàn Thị Dương	6	Khe Cát, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
555	8	Nguyễn Hà Mỹ	7	Khe Cát, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
556	9	Lý Sinh Dương	6	Đông Mung, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
557	10	Bàn Tiến Trung	8	Khe Cát, Tân Dân	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
		Trường TH&THCS Núi Mãn							
558	1	Đặng phúc Ngân	2a2	Dá trắng - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
559	2	Bùi Văn Kiên	5a1	Thôn Đình - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
560	3	Đinh Tiến Đạt	4A3	Thôn Đình - Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
561	4	Trần Minh Quân	1a2	Thôn xích thổ- Thống nhất	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		TH&THCS Đồng Lâm 1							
562	1	Triệu Thị Quyên	5A1	Thôn Đồng Quặng - xã Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
563	2	Triệu Quý Chung	8A	Thôn Đồng Quặng - xã Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
		TH&THCS Đồng Lâm 2							
564	1	Linh Du Phúc	4	Đèo Dục - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
565	2	Triệu Kim Hào	2	Khe Lèn, xã Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
566	3	Bàn Phúc Sang	6	Khe Lèn, xã Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
567	4	Đặng Thị Duyên	6	Cái - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022



STT	Họ và tên Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
					Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
568	5 Lý Văn Hương	7	Cái - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
569	6 Đặng Phúc Chung	8	Cái - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
570	7 Triệu Kim Hợp	8	Cái - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
571	8 Đặng Hoàng Anh	9	Cái - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
572	9 Lý Văn Thắng	9	Đèo Độc - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
573	10 Triệu Kim Trung	9	Khe Lèn - Đồng Lâm	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2022
	TH&THCS Kỳ Thượng							
574	1 Bàn Hữu Thanh	5A	Khe Lương - Kỳ Thượng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
575	2 Trịnh Thị Tươi	6A	Khe Tre - Kỳ Thượng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
576	3 Linh Tài Thành	7A	Khe Tre - Kỳ Thượng	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	TH&THCS Dân Chủ							
577	1 Phạm Thị Lệ Quyền	6	Thôn 1, xã Dân Chủ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
578	2 Hoàng Minh Vũ	6	Thôn 2, xã Dân Chủ	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
579	3 Lê Tuấn Anh	6	Đồng Đăng, Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
580	4 Nguyễn Văn Chiến	7	Đồng Đăng, Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	5	150.000	750.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

Ấn định danh sách: 580 trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông
 (Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi bốn triệu năm trăm mười nghìn đồng)